Kinh tế và Dự báo
Online
CƠ QUAN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Yếu tố văn hóa và tâm lý của Việt Nam trong ứng phó với COVID-19

10:49 | 22/07/2021

Kể từ khi dịch COVID-19 hoành hành vào đầu năm 2020, thành công của Việt Nam trong việc ứng phó với đại dịch đã được cộng đồng học thuật chú ý.

- Vaccine Covid-19: Người dân có sợ tiêm?
- Chạy đua vaccine: Thực trạng toàn cầu và bài toán cho Việt Nam

Ban đầu, các nghiên cứu khai thác các yếu tố lịch sử, chính trị, và kĩ thuật: chẳng hạn kinh nghiệm quốc gia khi đương đầu với đại dịch SARS vào giai đoạn 2002-2004, thông tin liên tục tới cộng đồng về tình hình dịch SARS-COV-2, biện pháp truy vết rộng khắp, những hành động sớm và dứt khoát từ chính phủ… [1-3]. Gần đây, các nhà nghiên cứu bắt đầu đi sâu vào các yếu tố văn hóa và xã hội học.

Chẳng hạn, trong bài viết "Vietnam and COVID-19: More Mark (Zuckerberg) than Marx", Adam Fforde đã giải thích sự thành công của Việt Nam trong phản ứng với COVID-19 chính là nhờ ảnh hưởng của truyền thông xã hội, thứ có sức ảnh hưởng lớn trong thời đại hiện nay [4]. Tuy nhiên, bài viết này đã bỏ qua các yếu tố văn hóa đã ăn sâu vào tâm thức người Việt.



Một khẩu hiệu kêu gọi phòng chống Covid-19

Trong một ấn phẩm khác, hai nhà nghiên cứu Sean Small và Judite Blanc của Trường Đại học New York, Mỹ [5] nhận định, sự pha trộn các giá trị văn hóa, hay còn gọi là cộng tính văn hóa với Tam giáo (gồm Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo) [6-8] đã làm nên "một tư duy độc đáo mà các quốc gia khác có thể học hỏi, để từ đó thích nghi và thậm chí xây dựng khả năng phục hồi trước các tác động tâm lý từ đại dịch COVID-19". Theo lập luận của Sean Small và Judite Blanc, hiện tượng cộng tính văn hóa là nền tảng cho sự hài hòa của các giá trị đối lập, điều mà sau đó là cơ sở cho tư duy của Việt Nam trong việc chống lại sự phủ nhận tính nghiêm trọng của đại dịch, trong việc áp dụng chính sách cộng đồng và thực thi các quy tắc cách ly [5].

Bên cạnh đó, cách sống truyền thống thôn, xóm vẫn còn bám rễ trong cuộc sống đô thị ở Việt Nam cũng có thể tác động tới mức độ hiệu quả của khả năng chống dịch. Người dân ở Việt Nam vẫn chưa trở thành những cá thể riêng biệt. Thay vào đó, phần lớn vẫn sống cùng đại gia, đình hoặc thường xuyên trở về thăm gia đình. Một cấu trúc xã hội như vậy làm tăng rủi ro cho người dân theo hai cách. Đầu tiên là việc mọi người biết rằng, nếu bản thân bị nhiễm bệnh, nhiều người khác mà họ thực sự quan tâm cũng có thể bị nhiễm bệnh. Thứ hai, khi mà tất cả mọi người đều bị cuốn vào một mạng lưới xã hội rộng lớn gồm bạn bè và gia đình, thì hậu quả tâm lý của việc phải cách ly khi mắc bệnh sẽ trở nên rất lớn. Các tác giả cũng đánh giá, Chính phủ Việt Nam đã tài tình biến mối nguy hiểm này trở thành vũ khí chống dịch bằng khẩu hiệu: "Mỗi người dân phải là một chiến sĩ, mỗi gia đình là một pháo đài, chung tay chống dịch".

Tâm lý đề phòng (đôi lúc có thể quá mức cần thiết) với sự lây lan dịch bệnh cũng được tạo ra nhờ những báo cáo liên tục về lịch trình di chuyển của các ca bệnh và các thông tin khác về dịch bệnh. Điều này giúp việc vận động người dân thực hiện các biện pháp phòng ngừa trở nên dễ dàng hơn. Một thực tế cơ bản của tâm lý con người là những báo cáo sống động như vậy có tác động lớn hơn nhiều so với những con số thống kê khô khan. Khi Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn số lượng người nhiễm bệnh mỗi ngày không quá lớn, Chính phủ đã có thể đăng tải các báo cáo về lịch trình và thông tin liên lạc trên kênh truyền thông xã hội. Các báo cáo này bao gồm hàng chục địa điểm mà một trường hợp dương tính đã có mặt, điều thể hiện nguy cơ lây nhiễm rất cao và gây ra các phản ứng lo sợ về nguy cơ lây nhiễm. Chẳng hạn, "Tôi đã ăn trưa tại nhà hàng đó vào thứ Năm. Nếu như tôi đến đó muộn hơn một ngày thì tôi đã có thể nhiễm bệnh". Ở các nước như Mỹ và Nhật Bản, số ca bệnh từng tăng hàng chục nghìn mỗi ngày. Con số ấy tuy chỉ mang tính ước chừng, nhưng là quá lớn và bi thảm. Mặt trái là chúng cũng tạo nên cảm giác bàng quan với người đọc. Hiện tại, đây cũng là trạng thái mà Việt Nam cần tránh.

Cuối cùng, các nghiên cứu hiện nay vẫn còn thiếu sự tập trung vào bản chất chính trị sinh học (biopolitical nature) [9,10] của việc phản ứng với COVID-19 ở Việt Nam. Trong lịch sử, Việt Nam đã thành công trong việc kiểm soát chính trị sinh học của dân số: ví dụ như kế hoạch hóa gia đình, hay việc bắt buộc đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe máy. Do đó, phản ứng với COVID-19 có thể được coi là một sự mở rộng của thành công lịch sử về chính trị sinh học ở Việt Nam.

Bên cạnh các điểm đã bàn trên, vẫn còn nhiều yếu tố xã hội học, tâm lý và văn hóa đã góp phần vào việc đẩy lùi sự lan rộng của đại dịch COVID-19 tại Việt Nam trong 3 đợt bùng phát đầu tiên.



Cộng tính văn hóa tạo nên cách tư duy, hành động độc đáo để thích nghi với bối cảnh sống của người Việt

Việt Nam đang phải đối mặt với đợt bùng phát thứ 4 của đại dịch. Bên cạnh các giải pháp về y tế, kinh tế, ngoại giao..., nhằm ngăn chặn sự lây lan để chiến thắng đại dịch, rất cần có thêm các nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa và tâm lý xã hội Việt Nam [11-14] để tìm ra những giải pháp đặc thù, góp sức cho công tác chống dịch. Cùng với đó, những nghiên cứu này sẽ là nguồn tư liệu sống động cho bản báo cáo toàn diện nhất về kinh nghiệm của người Việt Nam trong ứng phó với đại dịch toàn cầu trong thời gian tới.

References

1. La V-P, et al. (2020). Policy Response, Social Media and Science Journalism for the Sustainability of the Public Health System Amid the COVID-19 Outbreak: The Vietnam Lessons. Sustainability, 12(7), 2931.

2. Nguyen, N. P. T., et al. (2020). Preventive behavior of Vietnamese people in response to the COVID-19 pandemic. PLOS ONE, 15(9), e0238830.

3. Nguyen, T.-H.-K., & Ho, M.-T. (2020). Vietnam's COVID-19 Strategy: Mobilizing Public Compliance Via Accurate and Credible Communications. ISEAS Perspective, 69(2020).

4. Fforde, A. (2020). Vietnam and COVID-19: More Mark (Zuckerberg) than Marx. Melbourne Asia Review. Retrieved from https://melbourneasiareview.edu.au/vietnam-and-covid-19- more-mark-zuckerberg-than-marx/

5. Small, S., & Blanc, J. (2021). Mental Health During COVID-19: Tam Giao and Vietnam's Response. Frontiers in Psychiatry, 11(1507). doi:10.3389/fpsyt.2020.589618

6. Vuong, Q.-H., et al. (2018). Cultural additivity: Behavioural insights from the interaction of Confucianism, Buddhism and Taoism in folktales. Palgrave Communications, 4(1), 143.

7. Vuong, Q.-H., et al. (2020). On how religions could accidentally incite lies and violence: folktales as a cultural transmitter. Palgrave Communications, 6(1), 82.

8. Vuong, Q.-H., et al. (2019). Cultural evolution in Vietnam's early 20th century: A Bayesian networks analysis of Hanoi Franco-Chinese house designs. Social Sciences & Humanities Open, 1(1), 100001.

9. Lemke, T. (2011). Biopolitics: An advanced introduction (Vol. 5). New York: NYU Press.

10. Foucault, M. (2019). Power: the essential works of Michel Foucault 1954-1984. London: Penguin UK.

11. Vuong, Q. H. (2016). Global mindset as the integration of emerging socio-cultural values through mindsponge processes: A transition economy perspective. In: J. Kuada (ed.) Global Mindsets: Exploration and Perspectives (pp. 109-126). London: Routledge.

12. Vuong, Q. H., Napier, N. K. (2015). Acculturation and global mindsponge: an emerging market perspective. International Journal of Intercultural Relations, 49, 354-67.

13. Hoang, V. Q., & Dung, T. T. (2009). The Cultural Dimensions of the Vietnamese Private Entrepreneurship. IUP Journal of Entrepreneurship Development, 6(3/4), 54-78.

14. Phạm Minh Chính, Vương Quân Hoàng. (2009). Kinh tế Việt Nam: Thăng trầm và đột phá. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Hồ Mạnh Tùng, Viện Triết học Trần Đức Hưng Long, Ritsumeikan Asia Pacific University

URL: https://kinhtevadubao.vn/yeu-to-van-hoa-va-tam-ly-cua-viet-nam-trong-ung-pho-voi-covid-19-18465.html